THỰC TRẠNG BẮT NẠT TRỰC TUYẾN VÀ VAI TRÒ CỦA SỰ HỖ TRỢ GIA ĐÌNH, SỰ GẮN KẾT TRƯỜNG HỌC Ở HỌC SINH TRUNG HỌC PHỔ THÔNG TẠI THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Trần Minh Tú
TeenCare Hà Nội

Tóm tắt: *Bắt nạt trực tuyến là vấn đề đáng quan tâm đối với học sinh trung học phổ thông trong bối cảnh chuyển đổi số. Nghiên cứu khảo sát 356 học sinh THPT tại Hà Nội bằng bảng hỏi trực tuyến và xử lý dữ liệu bằng SPSS 26.0. Kết quả cho thấy mức độ trải nghiệm bắt nạt trực tuyến ở mức trung bình (M = 2,33; SD = 0,73), trong đó phổ biến là bị chế giễu, xúc phạm và lan truyền thông tin sai lệch. Học sinh nữ và lớp 11 có mức độ trải nghiệm cao hơn. Bắt nạt trực tuyến tương quan thuận với thời gian sử dụng mạng xã hội và tương quan nghịch với sự hỗ trợ gia đình, gắn kết trường học. Mô hình hồi quy giải thích 20,7% biến thiên của bắt nạt trực tuyến, trong đó gắn kết trường học là yếu tố dự báo mạnh nhất. Kết quả cung cấp cơ sở khoa học cho các hoạt động phòng ngừa và hỗ trợ tâm lý học đường.*

Từ khóa: *Bắt nạt trực tuyến, học sinh trung học phổ thông, hỗ trợ gia đình, gắn kết trường học, Hà Nội.*

CYBERBULLYING AND RELATED FACTORS AMONG HIGH SCHOOL STUDENTS IN HANOI CITY

Abstract: *Cyberbullying is a significant concern for high school students in the context of digital transformation. This study surveyed 356 high school students in Hanoi using an online questionnaire and analyzed the data with SPSS 26.0. The results indicate a moderate level of cyberbullying experiences (M = 2.33; SD = 0.73), with mockery, insults, and the dissemination of false information being the most common forms. Female students and 11th graders reported higher levels of experience. Cyberbullying was positively correlated with time spent on social media and negatively correlated with family support and school connectedness. A regression model explained 20.7% of the variance in cyberbullying, with school connectedness emerging as the strongest predictor. These findings provide a scientific basis for prevention initiatives and school-based psychological support services.*

Keywords: *cyberbullying, high school students, family support, school connectedness, Hanoi.*

Nhận bài: 16/06/2026 Phản biện: 16/07/2026 Duyệt đăng: 19/07/2026

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Sự phát triển của công nghệ số và mạng xã hội mang lại nhiều lợi ích cho thanh thiếu niên nhưng cũng làm gia tăng nguy cơ bắt nạt trực tuyến, ảnh hưởng đến sức khỏe tâm thần và kết quả học tập. Các nghiên cứu cho thấy bắt nạt trực tuyến có liên quan đến lo âu, trầm cảm, giảm lòng tự trọng và hành vi tự gây hại (Kowalski và cộng sự, 2014; Chen và cộng sự, 2023).

Theo lý thuyết sinh thái học của Bronfenbrenner (1979), gia đình và nhà trường là những môi trường quan trọng tác động đến sự phát triển của học sinh. Sự hỗ trợ từ gia đình và gắn kết trường học có thể là yếu tố bảo vệ, trong khi thời gian sử dụng mạng xã hội nhiều có thể làm tăng nguy cơ tiếp xúc với bắt nạt trực tuyến (Ngo và cộng sự, 2021; Liu và cộng sự, 2023; Xiao và cộng sự, 2025).

Tại Việt Nam, nghiên cứu về bắt nạt trực tuyến ở học sinh THPT, đặc biệt về vai trò đồng thời của thời gian sử dụng mạng xã hội, hỗ trợ gia đình và gắn kết trường học, còn hạn chế. Vì vậy, nghiên cứu này nhằm khảo sát thực trạng bắt nạt trực tuyến ở học sinh THPT tại Hà Nội, phân tích mối liên hệ và khả năng dự báo của các yếu tố trên, qua đó cung cấp cơ sở khoa học cho công tác phòng ngừa và hỗ trợ tâm lý học đường.

II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng phương pháp điều tra cắt ngang trên 356 học sinh THPT tại một số trường trên địa bàn thành phố Hà Nội, được chọn theo phương pháp thuận tiện và khảo sát trực tuyến từ tháng 01 đến tháng 5/2026. Bảng hỏi gồm thông tin nhân khẩu học và các thang đo về bắt nạt trực tuyến, sự hỗ trợ từ gia đình và sự gắn kết trường học, sử dụng thang Likert 5 mức độ. Dữ liệu được xử lý bằng SPSS 26.0, sử dụng thống kê mô tả, kiểm định t-test, ANOVA, tương quan Pearson và hồi quy tuyến tính đa biến để phân tích thực trạng và các yếu tố liên quan đến bắt nạt trực tuyến.

2.2. Kết quả nghiên cứu

2.2.1. Đặc điểm khách thể nghiên cứu

Nghiên cứu khảo sát 356 học sinh tại 4 trường THPT công lập ở Hà Nội: THPT Cầu Giấy, Yên Hòa, Thanh Xuân và Khương Đình. Mẫu gồm 41,9% nam và 58,1% nữ; học sinh ba khối 10, 11, 12 phân bố tương đối đồng đều. Về thời gian sử dụng mạng xã hội, 52,8% học sinh sử dụng từ 3 giờ trở lên mỗi ngày.

2.2.2. Thực trạng bắt nạt trực tuyến ở học sinh trung học phổ thông tại thành phố Hà Nội

Bảng 1. Thực trạng bắt nạt trực tuyến ở học sinh THPT tại Hà Nội

Biểu hiện bắt nạt trực tuyến	Mean (M)	SD
Bị chế giễu, xúc phạm trên mạng	2,74	1,09
Bị lan truyền thông tin sai lệch	2,45	0,98
Bị đăng hình ảnh làm tổn thương	1,98	0,85
Bị loại khỏi nhóm trực tuyến	2,26	1,02
Nhận bình luận công kích	2,13	1,21
Bị đe dọa qua tin nhắn	1,84	0,93
Điểm trung bình chung	2,33	0,73

Số liệu tại Bảng 1 (chỉ trình bày 6/11 biểu hiện có điểm trung bình cao nhất) cho thấy, điểm trung bình chung về trải nghiệm bắt nạt trực tuyến của học sinh trung học phổ thông ở mức trung bình (M = 2,33; SD = 0,73). Khi xét từng biểu hiện cụ thể, hành vi phổ biến nhất mà học sinh gặp phải là "Bị chế giễu, xúc phạm trên mạng" với điểm trung bình cao nhất (M = 2,74; SD = 1,09), tiếp theo là hành vi "Bị lan truyền thông tin sai lệch" (M = 2,45; SD = 0,98). Ngược lại, biểu hiện có điểm trung bình thấp nhất là "Bị đe dọa qua tin nhắn" (M = 1,84; SD = 0,93). Kết quả này chỉ ra rằng, các hình thức bắt nạt trực tuyến mang tính chất xúc phạm ngôn từ và bôi nhọ danh tính trên không gian mạng diễn ra phổ biến hơn so với các hình thức đe dọa trực tiếp.

2.2.3. Sự khác biệt về mức độ bắt nạt trực tuyến theo đặc điểm cá nhân

Bảng 2. Sự khác biệt về mức độ bắt nạt trực tuyến theo giới tính

Giới tính	n	Mean	SD	t	p
Nam	149	2,24	0,71	-2,36	0,019
Nữ	207	2,39	0,74		

Kết quả tại Bảng 2 chỉ ra có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về mức độ bắt nạt trực tuyến giữa học sinh nam và học sinh nữ (t = -2,36; p = 0,019 < 0,05). Cụ thể, học sinh nữ có điểm trung bình trải nghiệm bắt nạt trực tuyến (M = 2,39; SD = 0,74) cao hơn có ý nghĩa so với học sinh nam (M = 2,24; SD = 0,71). Mức độ ảnh hưởng của sự khác biệt này ở mức nhỏ (Cohen's\ d = 0,20).

Bảng 3. Sự khác biệt về mức độ bắt nạt trực tuyến theo khối lớp

Khối lớp	n	Mean	SD	F	p
10	124	2,28	0,70	3,15	0,044
11	118	2,43	0,76		
12	114	2,28	0,72		
Tổng	356	2,33	0,73		

Kết quả ANOVA cho thấy có sự khác biệt mang ý nghĩa thống kê về mức độ bắt nạt trực tuyến giữa ba khối lớp (F = 3,15; p = 0,044 < 0,05). Kết quả kiểm định sâu (Post-hoc Tukey) chỉ ra rằng học sinh khối lớp 11 có mức độ trải nghiệm bắt nạt trực tuyến (M = 2,43; SD = 0,76) cao hơn có ý nghĩa thống kê so với học sinh khối lớp 12 (M = 2,28; SD = 0,72) với p = 0,031. Sự khác biệt giữa khối lớp 10 (M = 2,28; SD = 0,70) với các khối lớp còn lại không có ý nghĩa thống kê (p > 0,05). Chỉ số hiệu ứng đạt η2 = 0,018, cho thấy yếu tố khối lớp giải thích được 1,8% sự biến thiên của trải nghiệm bắt nạt trực tuyến.

2.2.4. Mối tương quan giữa các biến nghiên cứu

Phân tích tương quan Pearson được sử dụng nhằm kiểm định mối liên hệ tuyến tính giữa biến phụ thuộc (Bắt nạt trực tuyến) và ba biến độc lập. Biến Thời gian sử dụng mạng xã hội có mối tương quan thuận, ý nghĩa với mức độ bắt nạt trực tuyến (r = 0,286; p < 0,01). Giả thuyết H1 được ủng hộ. Biến Hỗ trợ từ gia đình có mối tương quan nghịch, ý nghĩa với mức độ bắt nạt trực tuyến (r = -0,218; p < 0,01). Giả thuyết H2 được ủng hộ. Biến Gắn kết trường học có mối tương quan nghịch mạnh nhất với mức độ bắt nạt trực tuyến (r = -0,331; p < 0,01). Giả thuyết H3 được ủng hộ.

2.2.5. Các yếu tố liên quan đến bắt nạt trực tuyến

Để xác định mức độ dự báo của các yếu tố độc lập đối với trải nghiệm bắt nạt trực tuyến, phân tích hồi quy tuyến tính đa biến (phương pháp Enter) đã được thực hiện. Kết quả kiểm định mô hình hồi quy đạt ý nghĩa thống kê ($F = 12,81$; $p < 0,001$) với hệ số Durbin-Watson = 1,89 nằm trong khoảng chấp nhận (từ 1 đến 3), cho thấy không có hiện tượng tự tương quan. Hệ số VIF của các biến độc lập đều nhỏ hơn 2 (dao động từ 1,16 đến 1,37), chứng tỏ mô hình không vi phạm giả định đa cộng tuyến. Hệ số xác định R bình phương hiệu chỉnh (Adjusted $R^2 = 0,207$) chỉ ra rằng mô hình hồi quy đề xuất giải thích được 20,7% sự biến thiên của trải nghiệm bắt nạt trực tuyến ở học sinh trung học phổ thông. Giả thuyết H4 được ủng hộ. Khi xem xét trọng số chuẩn hóa (β) cả ba biến độc lập đều có khả năng dự báo ý nghĩa đối với biến phụ thuộc: Gắn kết trường học là yếu tố dự báo mạnh nhất và có tác động nghịch chiều ($\beta = -0,25$; $t = -4,32$; $p < 0,001$). Học sinh có mức độ gắn kết trường học càng cao thì trải nghiệm bắt nạt trực tuyến càng giảm. Thời gian sử dụng mạng xã hội là yếu tố dự báo mạnh thứ hai và có tác động thuận chiều ($\beta = 0,17$; $t = 3,11$; $p = 0,002$). Thời gian lướt mạng xã hội càng nhiều làm gia tăng nguy cơ trải nghiệm bắt nạt trực tuyến. Hỗ trợ từ gia đình là yếu tố có tác động nghịch chiều ($\beta = -0,11$; $t = -2,08$; $p = 0,038 < 0,05$). Sự hỗ trợ, đồng hành của gia đình đóng vai trò như một màng lọc bảo vệ học sinh trước các nguy cơ trực tuyến.

2.3. Thảo luận

Kết quả nghiên cứu cho thấy học sinh trung học phổ thông tại thành phố Hà Nội có trải nghiệm bắt nạt trực tuyến ở mức trung bình ($M = 2,33$; $SD = 0,73$) với nhiều hình thức khác nhau. Trong đó, phổ biến nhất là các hành vi bị chế giễu, xúc phạm trên mạng xã hội ($M = 2,74$; $SD = 1,09$) hoặc nhận các bình luận mang tính công kích, lan truyền thông tin sai lệch ($M = 2,45$; $SD = 0,98$). Kết quả này phản ánh thực trạng môi trường trực tuyến đang trở thành một không gian tiềm ẩn nhiều nguy cơ đối với sức khỏe tâm thần của thanh thiếu niên. Phát hiện này phù hợp với nhận định của UNESCO (2019) khi cho rằng bắt nạt trực tuyến đang nổi lên như một dạng bạo lực học đường mới với phạm vi ảnh hưởng ngày càng rộng trong bối cảnh công nghệ số phát triển mạnh mẽ. Đồng thời, kết quả cũng tương đồng với nghiên cứu của Kowalski và cộng sự (2014), trong đó chỉ ra rằng thanh thiếu niên là nhóm đối tượng có nguy cơ cao trải nghiệm bắt nạt trực tuyến do đặc điểm phát triển tâm lý và mức độ tiếp xúc thường xuyên với môi trường mạng. Bên cạnh đó, nghiên cứu của Peker và cộng sự (2024) cũng nhấn mạnh rằng trải nghiệm bị bắt nạt trực tuyến liên quan chặt chẽ đến mức độ căng thẳng cảm nhận được và làm suy giảm đáng kể các chỉ số hạnh phúc (well-being) của học sinh.

Kết quả nghiên cứu cũng cho thấy học sinh nữ có xu hướng trải nghiệm bắt nạt trực tuyến nhiều hơn học sinh nam ($= 2,39 > = 2,24$; $p = 0,019$). Phát hiện này tương đồng với một số nghiên cứu trước đây của Nguyen và cộng sự (2022), cho rằng nữ sinh thường nhạy cảm hơn với các mối quan hệ xã hội và có xu hướng sử dụng mạng xã hội với mục đích giao tiếp nhiều hơn nam sinh, do đó dễ trở thành đối tượng của các hành vi công kích, xúc phạm hoặc lan truyền thông tin tiêu cực trên môi trường trực tuyến. Tuy nhiên, một số nghiên cứu khác lại chưa ghi nhận sự khác biệt đáng kể giữa hai giới. Điều này cho thấy mối liên hệ giữa giới tính và bắt nạt trực tuyến có thể chịu ảnh hưởng của các yếu tố văn hóa, đặc điểm xã hội và sự phát triển của các nền tảng truyền thông số trong từng bối cảnh cụ thể. Bên cạnh đó, sự khác biệt mang ý nghĩa thống kê giữa học sinh khối 11 và khối 12 ($p = 0,044$) cũng gợi mở rằng các áp lực đồng trang lứa và tần suất tương tác xã hội ở các giai đoạn lớp học khác nhau có thể làm thay đổi nguy cơ tiếp xúc với bạo lực mạng.

Một trong những kết quả đáng chú ý của nghiên cứu là thời gian sử dụng mạng xã hội có mối tương quan thuận với mức độ bắt nạt trực tuyến ($r = 0,286$; $p < 0,01$). Những học sinh dành nhiều thời gian hơn cho mạng xã hội có nguy cơ trải nghiệm các hành vi bắt nạt trực tuyến cao hơn. Kết quả này phù hợp với nghiên cứu của Kowalski và cộng sự (2014), trong đó thời gian tiếp xúc với môi trường mạng được xem là một yếu tố nguy cơ làm gia tăng khả năng trở thành nạn nhân hoặc tham gia vào các hành vi bắt nạt trực tuyến. Việc sử dụng mạng xã hội với tần suất cao không chỉ làm tăng cơ hội tiếp xúc với các nội dung tiêu cực mà còn tạo điều kiện cho các hành vi gây hấn, công kích và lan truyền thông tin sai lệch diễn ra nhanh chóng và khó kiểm soát. Bên cạnh đó, kết quả nghiên cứu cho thấy sự hỗ trợ từ gia đình có mối liên hệ nghịch với mức độ bắt nạt trực tuyến ($r = -0,218$; $p < 0,01$). Những học sinh nhận được sự quan tâm, chia sẻ và hỗ trợ

tích cực từ cha mẹ có xu hướng ít trải nghiệm bắt nạt trực tuyến hơn. Kết quả này phù hợp với quan điểm sinh thái học của Bronfenbrenner (1979), trong đó gia đình được xem là môi trường gần gũi và có ảnh hưởng trực tiếp đến sự phát triển tâm lý của trẻ em và thanh thiếu niên. Phát hiện này cũng tương đồng với nghiên cứu của Ngo và cộng sự (2021) cũng như Xiao và cộng sự (2025), khi các tác giả cho rằng sự gắn bó tích cực giữa cha mẹ và con cái có vai trò như một yếu tố bảo vệ, giúp học sinh nâng cao khả năng thích ứng, giảm thiểu tác động tiêu cực của các hành vi bắt nạt trên không gian mạng. Thêm vào đó, Sasson và cộng sự (2024) khẳng định rằng bầu không khí gia đình lành mạnh và sự can thiệp định hướng của cha mẹ không chỉ làm giảm nguy cơ học sinh trở thành nạn nhân mà còn ngăn ngừa việc các em tham gia vào các vai trò tiêu cực khác trên môi trường số. Đặc biệt, kết quả phân tích hồi quy cho thấy sự gắn kết trường học là yếu tố dự báo mạnh nhất đối với mức độ bắt nạt trực tuyến ở học sinh trung học phổ thông (β= -0,25; $p < 0,001$). Những học sinh cảm nhận được sự an toàn, sự quan tâm từ giáo viên và có mối quan hệ tích cực với bạn bè thường ít có nguy cơ trải nghiệm bắt nạt trực tuyến hơn. Kết quả này phù hợp với nghiên cứu của Liu và cộng sự (2023), trong đó sự gắn kết trường học được xem là một trong những yếu tố bảo vệ quan trọng đối với sức khỏe tâm thần của học sinh.

Theo quan điểm sinh thái học của Bronfenbrenner (1979), nhà trường không chỉ là môi trường học tập mà còn là hệ thống hỗ trợ xã hội quan trọng, góp phần định hình hành vi, cảm xúc và khả năng thích ứng của học sinh. Vì vậy, việc xây dựng môi trường học đường an toàn, thân thiện và tăng cường sự kết nối giữa học sinh với giáo viên, bạn bè có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong phòng ngừa và giảm thiểu bắt nạt trực tuyến. Nhận định này nhận được sự ủng hộ mạnh mẽ từ các bằng chứng thực nghiệm gần đây của Menabò và cộng sự (2024) khi chứng minh các yếu tố thuộc về bối cảnh nhà trường có sức tác động trực tiếp đến hành vi bạo lực mạng. Tương tự, Chen và Wu (2024) cũng chỉ ra rằng sự hỗ trợ kịp thời từ giáo viên đóng vai trò cốt lõi trong việc định hình các hành vi ứng xử tích cực và giảm thiểu các hành vi bắt nạt trực tuyến mang tính chất gián tiếp ở học sinh trung học. Tuy nhiên, nghiên cứu vẫn còn một số hạn chế nhất định. Thứ nhất, mẫu nghiên cứu được lựa chọn theo phương pháp thuận tiện và chỉ tiến hành trên học sinh trung học phổ thông tại thành phố Hà Nội nên khả năng khái quát hóa kết quả còn hạn chế. Thứ hai, dữ liệu được thu thập bằng phương pháp tự báo cáo nên có thể chịu ảnh hưởng của xu hướng trả lời mang tính chủ quan. Thứ ba, thiết kế nghiên cứu cắt ngang chưa cho phép xác định mối quan hệ nhân quả một cách chắc chắn giữa các biến nghiên cứu. Do đó, các nghiên cứu tiếp theo cần mở rộng phạm vi khảo sát, kết hợp phương pháp định tính và thực hiện các nghiên cứu theo chiều dọc để làm rõ hơn cơ chế tác động của các yếu tố liên quan đến bắt nạt trực tuyến ở học sinh.

2.4. Kiến nghị

Đối với nhà trường

Các trường trung học phổ thông cần tăng cường công tác giáo dục kỹ năng số, kỹ năng sử dụng mạng xã hội an toàn và kỹ năng ứng phó với các hành vi bắt nạt trực tuyến cho học sinh. Bên cạnh đó, cần xây dựng môi trường học đường thân thiện, an toàn, thúc đẩy mối quan hệ tích cực giữa học sinh với giáo viên và bạn bè nhằm nâng cao sự gắn kết trường học – yếu tố được xác định là có vai trò quan trọng trong việc giảm thiểu nguy cơ bắt nạt trực tuyến. Nhà trường cần phát huy vai trò của công tác tham vấn tâm lý học đường thông qua việc tăng cường các hoạt động truyền thông, tư vấn và hỗ trợ học sinh gặp khó khăn trong quá trình học tập và tương tác trên môi trường mạng. Đồng thời, cần thiết lập cơ chế tiếp nhận thông tin, phát hiện sớm và hỗ trợ kịp thời đối với những trường hợp học sinh bị bắt nạt trực tuyến.

Đối với gia đình

Gia đình cần quan tâm nhiều hơn đến đời sống tâm lý, nhu cầu giao tiếp và hoạt động trực tuyến của con em mình. Cha mẹ cần duy trì sự quan tâm, lắng nghe và chia sẻ với con, từ đó xây dựng mối quan hệ gắn bó tích cực trong gia đình. Việc đồng hành cùng con trong sử dụng Internet, định hướng cách ứng xử trên mạng xã hội và nâng cao nhận thức về các nguy cơ trên không gian mạng có ý nghĩa quan trọng trong việc phòng ngừa và hạn chế những ảnh hưởng tiêu cực của bắt nạt trực tuyến đối với học sinh.

Đối với học sinh

Học sinh cần nâng cao nhận thức về các nguy cơ trên môi trường trực tuyến, sử dụng mạng xã hội một cách có trách nhiệm và tôn trọng người khác. Khi gặp phải các hành vi bắt nạt trực tuyến, học sinh cần chủ động tìm kiếm sự hỗ trợ từ gia đình, giáo viên hoặc chuyên gia tâm lý, đồng thời tránh

các phản ứng tiêu cực có thể làm gia tăng xung đột. Đối với công tác tham vấn tâm lý học đường Cần tăng cường vai trò của hoạt động tham vấn tâm lý học đường trong việc hỗ trợ học sinh nâng cao kỹ năng thích ứng, kỹ năng quản lý cảm xúc và kỹ năng giải quyết vấn đề trong môi trường trực tuyến. Các chương trình phòng ngừa bắt nạt trực tuyến cần được thiết kế theo hướng tích hợp giữa giáo dục kỹ năng sống, giáo dục cảm xúc – xã hội và truyền thông về sức khỏe tâm thần. Đồng thời, cần tăng cường sự phối hợp giữa nhà trường, gia đình và các tổ chức xã hội nhằm xây dựng mạng lưới hỗ trợ toàn diện cho học sinh.

Hướng nghiên cứu tiếp theo

Các nghiên cứu tiếp theo cần mở rộng phạm vi khảo sát trên nhiều địa phương khác nhau để khắc phục hạn chế về tính đại diện của mẫu thuận tiện, đồng thời kết hợp các phương pháp nghiên cứu định lượng và định tính nhằm làm rõ hơn cơ chế tác động của các yếu tố liên quan đến bắt nạt trực tuyến ở học sinh. Bên cạnh đó, cần triển khai các nghiên cứu theo chiều dọc và nghiên cứu can thiệp để đánh giá hiệu quả của các chương trình phòng ngừa và hỗ trợ tâm lý đối với học sinh trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay.

III. KẾT LUẬN

Nghiên cứu cho thấy bắt nạt trực tuyến ở học sinh THPT tại Hà Nội ở mức trung bình (M = 2,33; SD = 0,73), phổ biến nhất là xúc phạm, chế giễu và lan truyền thông tin sai lệch. Thời gian sử dụng mạng xã hội có xu hướng làm tăng nguy cơ trải nghiệm bắt nạt trực tuyến, trong khi sự hỗ trợ từ gia đình và gắn kết trường học đóng vai trò bảo vệ. Đặc biệt, gắn kết trường học là yếu tố dự báo mạnh nhất ($\beta = -0,25$; $p < 0,001$), với mô hình giải thích 20,7% sự biến thiên của trải nghiệm bắt nạt trực tuyến. Kết quả cung cấp cơ sở khoa học cho việc xây dựng chương trình phòng ngừa, can thiệp và hỗ trợ tâm lý học đường, đồng thời nhấn mạnh việc xây dựng môi trường học đường an toàn, tăng cường sự đồng hành của gia đình và nâng cao năng lực thích ứng của học sinh trong môi trường số.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Chen, J.-K., Yang, B., Wang, L.-C., Chang, C.-W., & Lin, C.-Y. (2023). Is psychological distress a risk factor or an outcome of school violence and cyberbullying perpetrated by adolescents? A short-term longitudinal panel study. Journal of Interpersonal Violence, 38(15–16), 9215–9238. https://doi.org/10.1177/08862605231163249

Chen, Q., & Wu, Q. (2024). The roles of teacher and parental support on adolescent cyber-bystander behaviors: A path analysis. Frontiers in Psychology, 15, Article 1374071. https://doi.org/10.3389/fpsyg.2024.1374071

Mai Mỹ Hạnh, Đinh Thị Hằng, & Phạm Thị Thành Danh. (2023). Cyberbullying of Vietnamese adolescents in some southern provinces and cities. Tạp chí Khoa học Quản lý Giáo dục, 10(39), 95–104.

Nguyen, H. T. L., Nakamura, K., Seino, K., & Vo, V. T. (2020). Relationships among cyberbullying, parental attitudes, self-harm and suicidal behavior among adolescents: Results from a school-based survey in Vietnam. BMC Public Health, 20, Article 476. https://doi.org/10.1186/s12889-020-08500-3

Nguyen, H. T. L., Nakamura, K., Seino, K., & Vo, V. T. (2022). Cyber-victimization and its association with depression among Vietnamese adolescents. Journal of Adolescence, 94, 224–233. https://doi.org/10.1002/jad.12021